

# CÁCH SỬ DỤNG CÁC PHÓ TỪ CHỈ MỨC ĐỘ RẤT- QUÁ - LẮM, HOI - KHÁ

*Đinh Lê Thu<sup>1</sup>*

## **Tóm tắt**

*Trong bài báo này, chúng tôi đề cập đến cách sử dụng các phó từ chỉ mức độ hơi - khá, rất - quá - lắm. Các phó từ loại này tuy số lượng ít nhưng tần số xuất hiện tương đối cao trong tiếng Việt và giữ vai trò khá quan trọng trong việc biểu thị các sắc thái tình cảm tế nhị trong các phán đoán về mức độ. Làm rõ cách sử dụng phó từ chỉ mức độ này và sự khác biệt ý nghĩa khi sử dụng chúng chẳng những giúp ta hiểu rõ thêm sự phong phú của tiếng Việt mà còn góp phần giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài có hiệu quả hơn.*

**Từ khóa:** *rất, quá, lắm, hơi, khá, phó từ*

## **1. Giới thiệu chung**

Từ chỉ mức độ đã được một số tác giả đề cập đến trong nhiều sách ngữ pháp từ những sách ra đời rất lâu, cho đến những sách mới xuất bản gần đây. Tuy nhiên giữa các tác giả có nhiều điểm chưa thống nhất với nhau. Tác giả *Việt Nam văn phạm* qui các từ *rất - lắm - khá - quá...* vào loại trạng từ (TTK, 83). Lê Văn Lý coi các từ *rất - hơi - khá...* là hư từ (LVL, 101). Đái Xuân Ninh trong *Hoạt động của từ trong tiếng Việt* thì gọi các từ chỉ mức độ là tình thái tính từ hay từ kèm (ĐXN, 88-89). Các tác giả Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Tài Cẩn và Hoàng Tuệ cho chúng vào loại từ kèm hoặc phó từ chỉ mức độ.

Về mặt chức năng, một số tác giả đã dùng các từ chỉ mức độ để làm tiêu chí phân loại các từ trong nội bộ động từ và tính từ (NKT, *Tiếng Việt trên đường phát triển*, 57, 76, 77, 83). Nguyễn Tài Cẩn, trong *Ngữ pháp Việt Nam* đã cho rằng, nhóm từ *rất, hơi, khá, khá...* dùng để miêu tả mức độ của trạng thái (NTC, 265) và có chức năng làm thành tố phụ cho một số ít động từ và phần lớn tính từ. Đa số các

---

<sup>1</sup> GS.TS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

tác giả đều thừa nhận chức năng làm từ chứng của từ chỉ mức độ, nghĩa là khả năng làm dấu hiệu phân định các từ loại khác nhau trong hệ thống từ vựng Việt Nam của chúng.

## 2. Các từ chỉ mức độ xét về mặt ý nghĩa

### 2.1. Nhóm HOI - KHÁ

Trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, HOI được coi là phó từ, chỉ mức độ ít, một chút, một phần nào. Ví dụ:

- Đen *hơi* chậm. Ở *hơi* xa. *Hơi* nheo mắt.
- *Hơi* một tí đã khóc.

Còn từ KHÁ, có thể là tính từ với ý nghĩa:

1. Chỉ trình độ trên trung bình một chút. Ví dụ: Làm ăn *khá*.
2. Ở mức độ cao hơn nêu ra để so sánh.

Ví dụ:

- Sức khỏe có *khá* hơn trước
- Bỏ *khá* nhiều công sức.

Như vậy xét về mặt nghĩa, các phó từ HOI và KHÁ chỉ mức độ thấp của tính chất và trạng thái, so với mức nêu ra để so sánh và thường đi trước tính từ hoặc động từ mà nó bổ nghĩa.

Thuộc về nhóm này còn có từ KHÍ (hiện nay ít dùng). Theo Lê Văn Lý, HOI và KHÍ thường đứng trước những từ có nghĩa không hay. Người ta nói *hơi* hay là *khí xấu*, mà không nói *hơi* hay là *khí đẹp* (LVL, 102). *Từ điển tiếng Việt* cũng đưa ra ví dụ:

- Giờ mới biết, kẻ cũng *khí* chậm
- Tôi hỏi *khí* không phải.

Như vậy có sự khác biệt về sắc thái ý nghĩa khi sử dụng *hơi* và *khí*. Từ *hơi* thường được dùng khi chỉ mức độ thấp với ý nghĩa trung hòa hoặc xấu, còn từ *khá* thường dùng với nghĩa tốt.

- Các tướng sĩ có *hơi* lo sợ (HBC, 200)

- Giữa trưa nắng, hai cái pêđalo nối đuôi nhau vòng qua vách núi, một con vịt đuôi theo một con rồng, trông *hơi* kỳ quái (PTVA, 10)

- Một khu vực khác cũng *khá* hấp dẫn dành cho việc đào tạo (TT, 19)

Do đặc điểm ngữ nghĩa nói trên, các từ như *buồn, lo, giận, chán, mệt, bức, xéch, nhú, nhăn, xấu, gầy, nghèo, già, cũ, kỳ quái,...* có ý không hay thường đi sau từ *hơi*, chứ hầu như không xuất hiện sau từ *khá*. Ngược lại sau từ *khá* chúng ta thường gặp những từ chỉ ý tốt như: *xinh đẹp, tốt, vui, thông minh, hấp dẫn, độc đáo, đặc sắc v.v.*

Cùng chỉ mức độ thấp nhưng giữa *hơi* và *khá* có khác nhau về tầng bậc. *Hơi* luôn chỉ mức dưới trung bình hoặc biểu hiện một ít, một chút đặc tính hay trạng thái ấy mà thôi. Ví dụ:

- Cái nồi này *hơi* méo
- Canh *hơi* mặn
- Tôi cảm thấy *hơi* mệt.

Còn từ *khá* có thể chỉ mức độ gần với mức cao. Ví dụ:

- Đường may của cô ấy *khá* sắc sảo
- Giống lúa này năng suất *khá* cao
- Nó học *khá* xuất sắc.

Cả hai từ *hơi* và *khá* đều có dạng láy toàn bộ *hơi hơi* và *kha khá*. Các dạng láy này có nghĩa giảm nhẹ hơn. Ví dụ:

- Đạo này nó học hành đã *kha khá* hơn
- Trời *hơi hơi* lạnh.

## 2.2. Nhóm RẤT, QUÁ, LẮM

2.2.1. QUÁ và LẮM đều có chung nét nghĩa chỉ mức độ cao hơn hẳn mức bình thường đứng sau và phụ nghĩa cho một số tính từ và động từ. Ví dụ:

- Tôi vui *quá*. Nó làm việc say mê *quá*
- Người đông *lắm*. Thuốc đắng *lắm*.

*Quá* và *lắm* thường có nghĩa cảm thán rõ ràng hơn các từ chỉ mức độ khác, và thường xuất hiện trong khẩu ngữ hoặc trong lời nói của nhân vật của truyện ngắn và tiểu thuyết và có thể xuất hiện sau các tính từ và động từ có nghĩa xấu hoặc tốt.

Ví dụ:

- buồn quá, mệt quá, chán quá, bực quá, thích quá, ác quá, đẹp quá, khôn quá, bừa bộn quá, đau đớn quá, khủng khiếp quá,...

- vui lắm, giàu lắm, sợng lắm, đặc biệt lắm, kỳ lắm, khổ lắm, khó khăn lắm, vênh vang lắm, hồi hộp lắm, lo lắng lắm...

Tuy nhiên giữa *quá* và *lắm* cũng có chỗ khác nhau trong cách dùng. *Lắm* chỉ có thể đi sau tính từ hoặc động từ mà nó bổ nghĩa, trong khi *quá* có thể xuất hiện ở sau và cả ở vị trí trước tính từ và động từ. Ví dụ

- Gian hàng bán trà Việt Nam *quá* bồi bác (TT, 39-94)

- Trong khi bàn bạc các điều kiện, phía ta lại *quá* sơ sài (TT, 39-94)

- Nghề người mẫu thời trang ở Việt Nam còn *quá* mới mẻ (TP, 9.93)

- Cô không yêu tôi. Tôi *quá* già, *quá* khô, *quá* thực tế (TNCL)

- Cậu và những người khác nữa trên cuộc đời này còn *quá* tham lam, đã nhìn thấy *quá* nhiều (TNCL).

Khi *quá* đứng trước tính từ, mức độ mà nó biểu thị được nhấn mạnh hơn.

2.1.2. RẤT cũng chỉ mức độ cao mà nó bổ nghĩa cho một số tính từ và động từ, nhưng lại luôn đứng trước từ mà nó bổ nghĩa. Ví dụ:

- Cô ấy bị câm nhưng *rất* xinh

- Tôi *rất* sợ nó (TNCL)

- Lối kể chuyện *rất* kì lạ, *rất* hấp dẫn và lôi cuốn người nghe (TP, 9.94)

Nếu như *quá* và *lắm* có nghĩa cảm thán rất rõ ràng thì *rất* lại mang nét nghĩa trung hòa và thường được dùng nhiều hơn trong các câu kể, tường thuật, câu khẳng định và trong văn viết. Ví dụ:

- Máy chục vai trong phim anh đều đóng *rất* đạt, *rất* chững chạc (TP, 9.94)

- Họ phát biểu *rất* gay gắt (TT, 3.9.94)

### 3. Từ chỉ mức độ xét về khả năng kết hợp

#### 3.1. Kết hợp với tính từ

Tính từ là những từ biểu thị đặc trưng của sự vật và cách thức hành động, vì vậy, chúng có thể kết hợp với danh từ và động từ, kèm theo những từ chỉ mức độ.

Theo giáo sư Hồ Lê, tính từ được chia thành ba tiểu loại: tính từ cách thức, tính từ tính chất và tính từ đặc tả (HL, 141-142-143).

*Tính từ đặc tả* không mang sẵn trong bản thân nó ý nghĩa chỉ mức độ nên nó có khả năng kết hợp với bất cứ từ chỉ mức độ nào. Ví dụ: *rất* dễ chịu, dễ chịu *quá*, dễ chịu *lắm*, *khá* dễ chịu, *hơi* dễ chịu.

Trái lại, *tính từ tính chất* và *tính từ cách thức* xét về phương diện biểu thị mức độ, đều có thể mang sẵn trong bản thân nó nét nghĩa chỉ mức độ cao hơn, mức độ thấp và mức độ trung hòa.

##### 3.1.1. Các tính từ có nét nghĩa chỉ mức độ cao như:

- xanh ngắt, béo ngậy, vàng khè, cao ngất, già khòm, xa lắc, nặng trĩu, nhỏ xíu, cũ rích,...

- vùn vụt, thoăn thoắt, ôm ôm, san sát, băng băng, ào ào, nhiệt liệt, lênh khênh, lều bều, dằng dặc, chót vót,... *đều không có khả năng kết hợp* với các từ chỉ mức độ. Không thể nói: *rất* cũ rích (-), cũ rích *quá* (-), *khá* cũ rích (-), *hơi* cũ rích (-). Cũng không thể nói: *rất* vùn vụt (-), vùn vụt *lắm* (-), *hơi* vùn vụt (-), *khá* vùn vụt (-),...

Các tính từ mang sẵn trong bản thân nó nét nghĩa *chỉ mức độ thấp* như:

- xanh xanh, beo béo, vàng vàng, cao cao, xa xa, nặng nặng, nhỏ nhỏ,...

- chậm chậm, se se, vắng vắng, buồn buồn, thiêm thiếp, hiu hiu,... thì *chỉ kết hợp được với HỒI* là từ chỉ mức độ thấp của tính từ. Ví dụ: *hơi xanh xanh, hơi nặng nặng, hơi chậm chậm, hơi se se, hơi buồn buồn.*

Từ KHÁ, chỉ mức độ gần với mức độ cao, không kết hợp được với các tính từ này.

3.1.2. Các tính từ mang sẵn trong bản thân nét nghĩa trung hòa về mức độ thì có thể kết hợp được với *các từ chỉ mức độ cao và mức độ thấp.*

Ví dụ : Các tính từ chỉ tính chất như: xanh, béo, vàng, cao, già, xa, nặng, nhỏ, cũ,... Có thể có các kết hợp như: *rất xanh (+), xanh quá (+), xanh lắm (+), hơi xanh (+), khá xanh (+);* hoặc các tính từ như: vội, chậm, ngập ngừng, bẽn lẽn, rón rén, vất vả,... có thể có các kết hợp như:

- *hơi chậm (+), rất chậm (+), chậm quá (+), chậm lắm (+);*

- *khá nhanh (+), rất nhanh (+), nhanh quá (+), nhanh lắm (+).*

3.1.3. Những tính từ biểu thị đặc trưng bản chất của sự vật như đực, cái, trống, mái,... thì không kết hợp được với bất kỳ từ hình thái chỉ mức độ nào (HL, 90).

### 3.2. Kết hợp với động từ

3.2.1. Một số động từ có khả năng đứng sau hoặc đứng trước những từ chỉ mức độ, đó là những động từ có quan hệ trực tiếp đến trạng thái tinh thần như: *thích, muốn, yêu, ghét, lo, sợ, tức giận, e thẹn, mong, mắc cỡ, thân mật, hoan nghênh, thất vọng, băn khoăn,...* Ví dụ:

- Họ *rất* yêu nhau

- Tôi *rất* muốn đi du lịch nước ngoài một chuyến

- Cô ấy *hơi* e thẹn khi gặp anh ta

- Chúng tôi *rất* hoan nghênh sự giúp đỡ của anh ấy.

3.2.2. Các động từ được cấu tạo từ tính từ cũng có khả năng kết hợp với từ chỉ mức độ:

Khi *tính từ* đứng trước *ra, vào, lên, lại, đi,...* để tạo thành từ ghép hoặc tổ hợp từ thì trở thành động từ hay có tính chất động từ. Ví dụ:

- *béo ra, trẻ ra, khỏe ra, dài ra, đẹp ra,...*
- *gầy đi, già đi, yếu đi, cũ đi,...*
- *tím lại, ngẩn lại, nheo lại, đen lại, chậm lại,...*
- *hẹp vào, cao lên, um lên, rướn lên,...*

Các động từ loại này có thể kết hợp với *hơi*: *hơi béo ra, hơi trẻ ra, hơi gầy đi, hơi già đi, hơi chậm lại,...* nhưng không kết hợp được với các từ chỉ mức độ cao *rất, quá, lắm*. Không thể nói: *rất yếu đi, rất trẻ ra, béo ra lắm, hẹp vào quá,...*

3.2.3. Một số động từ được cấu tạo từ cụm “*tính từ + danh từ*” như *nóng gáy, điên tiết, bực mình,...* có khả năng kết hợp với từ *rất*: *rất nóng gáy, rất điên tiết, rất bực mình*, cần phân biệt các động từ kể trên với các tính từ như: *tốt bụng, mát tay, vui tính, đẹp mắt, to gan, dễ tính, khó tính,...* Những từ này không kết hợp được với *lại, đi* và có khả năng kết hợp với từ chỉ mức độ *rất, quá, lắm, hơi* (HL, 91, 92, 93).

3.2.4. Trong một số trường hợp, kết cấu “*làm + tính từ*” có tính cố định tạo thành một số động từ như: *làm dữ, làm đom, làm loạn, làm lếu, làm ngang, làm phách, làm phiền,...* có khả năng kết hợp với *quá*. Ví dụ:

- Nó bị bầy chó làm dữ *quá*
- Chúng nó làm loạn *quá*
- Tôi làm phiền cô *quá*.

3.2.5. Ngoài các động từ chỉ trạng thái tinh thần, từ chỉ mức độ *quá* trong phương ngữ Nam bộ có thể kết hợp với một số động từ khác như: *hành hạ, đẩy đọa, xử hiếp, báo hại, rầy, nhờ, v.v..* Ví dụ:

- Chú hành hạ, đầy đọa nó *quá* chứ sao (HBC, 269)
- Ông xử hiệp nhà nghèo *quá*! (HBC, 336)
- Vợ tôi không chịu, nó *rầy* tôi *quá* (HBC, 341)
- Thiệt là nhờ cậu *quá* (HBC, 412).

(Nguyễn Hữu Dương, tr.35)

3.2.6. Trong một số trường hợp - các từ chỉ mức độ rất, quá, lắm, hơi có thể kết hợp và bổ sung nghĩa cho cấu trúc “trạng từ + vị từ” như *lâu về, dễ kiếm, khó tin, khó nghĩ, chậm tiêu, mau tạnh, lâu tan, chóng lớn, v.v..* Ví dụ:

- Chuyện này *hơi* khó tin
- Thức ăn này *chậm tiêu* *lắm*
- Sao anh *lâu về* *quá*
- Ở Sài Gòn, mưa *rất* bất ngờ, *rất* to nhưng cũng *rất* mau tạnh.

### 3.3. Các kết hợp khác

Từ chỉ mức độ có thể kết hợp với các từ không phải là tính từ hoặc động từ, thường tạo thành những từ hoặc ngữ để nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ ý nghĩa mức độ.

3.3.1. Từ *quá*, ngoài dạng gốc, còn tham gia vào các ngữ cố định biểu thị ý nghĩa mức độ như: *quá đối, quá u* (thường dùng trong tiếng miền Bắc) *quá chừng, quá dễ, quá tay, quá xá, quá xá lắm, quá trời* v.v. (thường dùng trong tiếng miền Nam).

3.3.2. Khác với từ *quá*, khi chỉ mức độ, *lắm* có thể xuất hiện trong những câu có từ phủ định *không* hoặc *không... đâu*. Ví dụ:

- Tôi *không* thích nhạc cổ điển *lắm*
- Tôi *không* tin *lắm*
- Áo này *không* mắc *lắm* *đâu*.



Trong các câu phủ định kiểu này, *lắm* còn có thể kết hợp với từ *cho*. *Cho lắm* thường được dùng với nghĩa giảm nhẹ hơn và dè dặt hơn. Ví dụ:

- Nó làm không được nhanh *cho lắm*
- Anh ta không thành thật *cho lắm*.

3.3.3. Ngoài kết hợp với các vị từ, *rất* có thể tham gia vào một số kết hợp như: *rất là*, *rất đối*, *rất ư là*,... để nhấn mạnh ý nghĩa mức độ. Ví dụ:

- Hôm nay cô ấy *rất là* vui
- Người mẹ *rất đối* tự hào vì con đỗ thủ khoa
- Phim ấy *rất ư* là chán.

Ngoài ra *rất có khả năng kết hợp với danh từ*. Trong trường hợp đó, danh từ có xu hướng chuyển sang chỉ tính chất của sự vật, hiện tượng, khái niệm mà danh từ đó biểu thị. Ví dụ: khi nhận xét về thơ của Hồ Chủ tịch, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cho rằng thơ của Bác Hồ “*vừa rất thơ, vừa rất thép*”. Còn Xuân Diệu viết: “*Trắng rất trắng* là trắng của tình yêu”. (NHD, 49).

3.3.4. Cần chú ý *quá* và *lắm* đều có thể xuất hiện trước danh từ. Trong những trường hợp này, *quá* là một động từ có nghĩa “*vượt ra ngoài một giới hạn qui định, hoặc một điểm làm mốc*” (HP, 825). Ví dụ:

- Đi phép *quá* một ngày
- *Quá* tuổi đi học
- Tóc dài *quá* mang tai.

Khi xuất hiện trước danh từ, *lắm* là một *tính từ*, có nghĩa “*nhiều hay có số lượng được đánh giá là lớn*” (HP, 572). Ví dụ:

- Lắm việc, lắm chuyện, lắm lời, lắm điều, lắm tiền nhiều của,...
- Lắm mới tối nằm không (tng)
- Lắm thầy rầy ma, lắm cha con khó lấy chồng (tng).

Trong một số trường hợp, *lắm* (tính từ) đứng sau và bỏ nghĩa cho một số động từ như: ăn *lắm*, chơi *lắm*,... thường có nghĩa xấu.

Sau *lắm* (phó từ và tính từ) có thể gặp các từ đệm như: *thế, vào, chứ, đâu*. Ví dụ:

- Cô ấy không đẹp lắm đâu!
- Cô ấy đẹp lắm chứ!
- Ăn cho lắm vào!
- Sao uống lắm thế?

#### 4. Từ chỉ mức độ xét về tần số xuất hiện

**4.1. Tần số xuất hiện** của từ chỉ mức độ *rất, quá, lắm, hơi, khá* khác nhau trong các loại văn bản khác nhau. Trong từ điển tần số của Đặng Thái Minh và Nguyễn Văn Phổ, tần số các từ được tính trên các loại văn bản: *nhật ký, thư, thơ, văn xuôi, văn dịch, diễn văn, quảng cáo, báo, công vụ, phổ thông, khoa học*. Các loại văn bản viết này thuộc các phong cách ngôn ngữ thư từ, ngôn ngữ văn chương, ngôn ngữ chính luận, hành chính và khoa học.

- Từ **RẤT** với sắc thái nghĩa trung hòa có tần số sử dụng cao nhất trong 8/11 loại văn bản so với với các từ chỉ mức độ khác. Đặc biệt, *rất* được sử dụng rất nhiều trong các văn bản thuộc *phong cách chính luận* (diễn văn, báo chí) và *phong cách khoa học*.

- **QUÁ** và **LẮM** có ý nghĩa của cảm thán rõ nên thường được sử dụng trong *khẩu ngữ* (*quá* thường gặp hơn). Trong các văn bản viết, *quá* có tần số xuất hiện rất cao trong *nhật ký*, còn *lắm* được dùng nhiều trong *ngôn ngữ văn chương* (thơ, văn xuôi), cần chú ý, trong văn dịch, *quá* và *lắm* sử dụng ít hơn *rất*.

- **KHÁ** và **HƠI** có tần số sử dụng thấp hơn *rất, quá* và *lắm* trong khẩu ngữ cũng như trong văn viết. *Hơi* thường gặp nhiều hơn *khá* trong khẩu ngữ, trong thơ, văn xuôi, văn dịch và trong các văn bản khoa học. Ngược lại, *khá* thường gặp hơn *hơi* trong diễn văn và báo chí (Xin xem số liệu trong các bản dưới đây):

Các văn bản viết:

Vị trí trên từ điển tần số:

	N. kỹ	Thư	Thơ	V. xuôi	V. dịch	D. văn	Q. cáo	Báo	C. vụ	P. thông	K. học
<i>Hơi</i>	329	520	243	298	285	-	403	1216	1461	394	430
<i>Khá</i>	269	363	-	531	357	375	1515	382	837	490	793
<i>Lắm</i>	122	65	198	93	149	•	-	1111	-	479	2155
<i>Rất</i>	67	55	459	161	77	85	259	123	426	46	119
<i>Quá</i>	49	96	234	104	120	390	-	459	350	120	292

Tần số

	N. kỹ	Thư	Thơ	V. xuôi	V. dịch	D. văn	Q. cáo	Báo	C. vụ	P. thông	K. học Tổng
<i>Hơi</i>	13	7	22	229	58	0	9	35	9	80	207 669
<i>Khá</i>	16	10	0	107	44	9	2	147	24	65	.01 525
<i>Lắm</i>	47	31	27	849	126	0	0	39	0	67	24 1260

<i>Rất</i>	85	97	11	472	232	37	13	397	68	578	668 2658
<i>Quá</i>	109	53	23	760	160	8	0	122	85	254	284 1858

### Các băng ghi âm

Khẩu ngữ		Kịch	Khẩu ngữ		Kịch
Vị trí trên từ điển			Tần số		Tổng
<i>Hơi</i>	308	312	69	8	77
<i>Khá</i>	697	472	20	4	24
<i>Lắm</i>	41	42	790	109	899
<i>Rất</i>	158	240	172	11	183
<i>Quá</i>	35	52	875	90	965

**4.2. Tần số xuất hiện** tỉ lệ nghịch với số thứ tự vị trí của từ trong *Từ điển tần số*. Từ có tần số xuất hiện của từ càng lớn thì có thứ tự càng nhỏ trong từ điển.

Từ *rất* có thứ tự vị trí nhỏ nhất trong loại văn bản phổ thông, lớn nhất trong văn bản thơ. Từ *quá* có vị trí nhỏ nhất trong khẩu ngữ và nhật ký. *Lắm* có vị trí nhỏ nhất trong khẩu ngữ và kịch. *Cả hai từ này có thứ tự rất lớn trong các văn bản báo chí, sau từ hơi*.

Từ *hơi* có số thứ tự về vị trí trong từ điển tần số từ 243 đến 1461. Còn từ *khá* có số thứ tự từ 269 đến 1515 tùy loại văn bản (xem bảng - vị trí trên từ điển).

Khi dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, chúng ta có thể dạy lần lượt cho họ các từ chỉ mức độ theo thứ tự tần số xuất hiện của nó: *rất - quá - lắm - hơi - khá*. Tùy theo kỹ năng nói hay viết, chúng ta có thể nhấn mạnh cách sử dụng của từ chỉ mức độ *quá, lắm* hay *rất*.

## 5. Kết luận

Như vậy, tuy từ chỉ mức độ có số lượng nhỏ trong tiếng Việt, nhưng chúng có nhiều đặc điểm riêng về ý nghĩa, về khả năng kết hợp và chức năng. Mỗi từ trong hệ thống nhỏ này lại có nét độc đáo riêng mà chúng ta cần nghiên cứu kỹ để có thể giúp người học tiếng Việt hiểu rõ và sử dụng chúng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn. *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB ĐH và THCN, TP HCM, 1981 (in lần thứ hai).
2. Đỗ Hữu Châu. *Từ vựng - ngữ nghĩa*. NXB Giáo dục, Hà Nội. 1981.
3. Nguyễn Hữu Dương. *Từ chỉ mức độ trong phương ngôn Nam Bộ*. Luận văn tốt nghiệp ĐHTH, TP HCM, 1983 (Bản đánh máy).
4. Trần Trọng Kim. *Việt Nam văn phạm*. NXB Tân Việt, Sài Gòn. (In lần thứ tám, không ghi năm).
5. Lê Văn Lý. *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam*. Bộ GD, Trung tâm học liệu Sài Gòn, 1968.

6. Hồ Lê. *Cú pháp tiếng Việt*, Q.2, NXB KHXH, Hà Nội, 1992.
7. Đặng Thái Minh - Nguyễn Văn Phở. *Từ điển Tàn số tiếng Việt*. Luận văn thạc sĩ, TP HCM, 1993.
8. Đái Xuân Ninh. *Hoạt động của từ tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội, 1978.
9. Hoàng Phê. *Từ điển tiếng Việt*. NXB KHXH, Hà Nội, 1990.
10. Nguyễn Kim Thản:
  - *Nghiên cứu Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB KHXH, Hà Nội, 1963.
  - *Động từ trong tiếng Việt*. NXB KHXH, Hà Nội, 1977.
  - *Tiếng Việt trên đường phát triển*. NXB KHXH, Hà Nội, 1982.

### **Các dẫn chứng**

1. Hồ Biểu Chánh. *Ngọn cỏ gió đùa*. NXB Bốn Phương, Sài Gòn, 1974.
2. Nguyễn Thị Âm, Phạm Ngọc Tiến, Ngô Tự Lập, Hồ Thị Hải Âu, Võ Thị Hào. *Mười truyện ngắn chọn lọc*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993.
3. Phan Thị Vàng Anh. *Khi người ta trẻ*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993.
4. Báo Tuổi trẻ, số 39 năm 1994.
5. Báo Tiền Phong, số 9 năm 1994.

### **Các chữ viết tắt**

#### ***Tên tác giả***

NTC - Nguyễn Tài Căn; NHD - Nguyễn Hữu Dương; LVL - Lê Văn Lý; ĐXN - Đái Xuân Ninh; HP - Hoàng Phê.

#### ***Tên tài liệu***

TT: Tuổi trẻ; TP: Tiền Phong;

HBC - Hồ Biểu Chánh; TTK - Trần Trọng Kim; HL - Hồ Lê

NKT - Nguyễn Kim Thản; PTVA - Phan Thị Vàng Anh; Truyện ngắn chọn lọc.